TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1462/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 433/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4251/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô L**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 8, đường số 796, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông **Ogawa K**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 1-6-4 Iriya, Thành phố Z, tỉnh K, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07.8.2018 và trong quá trình tố tụng, bà Ngô L - nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, Bà và ông Ogawa K tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (vào sổ đăng ký kết hôn số 1266, quyển số 07 ngày 22/5/2015).

Sau khi kết hôn, Bà theo chồng về Nhật sinh sống nhưng do bất đồng ngôn ngữ, khác nhau về phong tục tập quán nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết; ngày 04/8/2017, bà L trở về Việt Nam và không còn liên lạc với ông Ogawa K.

Bà cho rằng không thể tiếp tục sống chung với ông Ogawa K, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải và ngày mở phiên tòa xét xử nhưng ông Ogawa K không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Ngô L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Ogawa K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô L và ông Ogawa K là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Nhật Bản nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông Ogawa K theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc không thực hiện được ủy thác nên ngày 03/7/2019 Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 28/9/2018, nguyên đơn bà Ngô L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2015 (vào sổ đăng ký kết hôn số 1266, quyển số 07 ngày 22/5/2015) do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô L và ông Ogawa K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô L thì sau khi kết hôn, Bà theo chồng về Nhật sinh sống nhưng do bất đồng ngôn ngữ, khác nhau về phong tục tập quán nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, hiện Bà đã trở về Việt Nam và không còn liên lạc với ông Ogawa K. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Ogawa K biết yêu cầu ly hôn của bà L và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Ogawa K không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Ogawa K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà L có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô L chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô L được ly hôn với ông Ogawa K.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô L chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0049477 ngày 24/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà L không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Ngô L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Ogawa K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H;
- Cục THADS Tp.H;
- UBND Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan